TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**Hotel management and room reservation website**

*Người hướng dẫn*: **GV ĐẶNG NGỌC VŨ**

*Người thực hiện*: **ĐẶNG MINH THÔNG - 52100586**

**PHAN CÔNG VINH - 52100595**

Nhóm **: 06**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**Hotel management and room reservation website**

Người hướng dẫn: **GV ĐẶNG NGỌC VŨ**

Người thực hiện: **ĐẶNG MINH THÔNG - 52100586**

**PHAN CÔNG VINH - 52100595**

Nhóm **: 06**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023**

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Thầy Đặng Ngọc Vũ, một Giảng viên tài ba tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, vì đã hết lòng hỗ trợ và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện Dự án báo cáo cuối kỳ này.

Chúng tôi xin gửi lời tri ân đặc biệt tới toàn thể Thầy Cô giảng viên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, đặc biệt là Thầy Cô giảng viên tại Khoa Công nghệ thông tin, vì đã chia sẻ và truyền đạt cho chúng tôi những kiến thức quý báu trong suốt thời gian chúng tôi học tập tại trường.

Cuối cùng, chúng tôi không thể quên cảm ơn gia đình và bạn bè, người đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong quá trình học tập và thực hiện Dự án báo cáo cuối kỳ này. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng làm việc một cách cẩn thận trong quá trình thực hiện dự án và viết báo cáo, nhưng không tránh khỏi những khuyết điểm. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến ​​đóng góp từ Thầy Cô để dự án được hoàn thiện và hoàn hảo hơn. Chân thành cảm ơn!

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của GV Đặng Ngọc Vũ;. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong luận văn còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Đặng Minh Thông Phan Công Vinh*

TÓM TẮT

Bài báo cáo này tập trung vào việc phát triển một trang web đặt phòng phục vụ cho một khách sạn trên nền tảng trực tuyến với mục tiêu chính là cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm thuận tiện và thoải mái trong suốt quá trình đặt phòng.

Chúng tôi đã tiến hành quá trình nghiên cứu và thu thập phản hồi từ phía người dùng để đảm bảo rằng giao diện người dùng của trang web phù hợp và đáp ứng nhu cầu và mong muốn của họ. Kết quả của việc đó là một giao diện trực quan, đơn giản và thân thiện với người dùng đã được tạo ra, nó tập trung vào việc tối ưu hóa khả năng tìm kiếm và đặt phòng.

Trang web này cho phép người dùng dễ dàng tìm kiếm phòng dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau. Ngoài ra, quy trình đặt phòng đã được chúng tôi tối ưu hóa để đảm bảo tính nhanh chóng và thuận tiện. Chúng tôi sử dụng giao diện tương tác dễ dàng và rõ ràng để giúp người dùng dễ dàng theo dõi quy trình đặt phòng và xác nhận đặt phòng một cách nhanh chóng.

Kết quả cuối cùng là chúng tôi đã hoàn thành xây dựng một trang web khách sạn trực tuyến hiện đại, hấp dẫn và thân thiện với người dùng.

MỤC LỤC

[CHƯƠNG 1 – GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI 4](#_Toc160042680)

[1.1. Lý do chọn đề tài 4](#_Toc160042681)

[1.2. Mục đích 4](#_Toc160042682)

[1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5](#_Toc160042683)

[1.3.1. Đối tượng 5](#_Toc160042684)

[1.3.2. Phạm vi nghiên cứu 5](#_Toc160042685)

[1.4. Phương pháp nghiên cứu 6](#_Toc160042686)

[1.5. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn 6](#_Toc160042687)

[1.5.1. Ý nghĩa khoa học 6](#_Toc160042688)

[1.5.2. Ý nghĩa thực tiễn 6](#_Toc160042689)

[CHƯƠNG 2 - PHÂN TÍCH THIẾT KẾ 8](#_Toc160042690)

[1.1. Đặc tả hệ thống 8](#_Toc160042691)

[1.2. Use case Diagrams 9](#_Toc160042692)

[1.3. Đặc tả usecase 10](#_Toc160042693)

[1.3.1. Đăng nhập 10](#_Toc160042694)

[1.3.2. Đăng ký 11](#_Toc160042695)

[1.3.3. Đăng xuất 13](#_Toc160042696)

[1.3.4. Đổi mật khẩu 14](#_Toc160042697)

[1.3.5. Đặt dịch vụ 16](#_Toc160042698)

[1.3.6. Đặt phòng 18](#_Toc160042699)

[1.3.7. Xem lịch sử đặt 19](#_Toc160042700)

[1.3.8. Xem danh sách phòng 21](#_Toc160042701)

[1.3.9. Thêm mới phòng 22](#_Toc160042702)

[1.3.10. Chỉnh sửa thông tin phòng 24](#_Toc160042703)

[1.3.11. Xóa phòng 25](#_Toc160042704)

[1.3.12. Xem danh sách dịch vụ 27](#_Toc160042705)

[1.3.13. Thêm mới dịch vụ 28](#_Toc160042706)

[1.3.14. Chỉnh sửa thông tin dịch vụ 30](#_Toc160042707)

[1.3.15. Xóa dịch vụ 31](#_Toc160042708)

[1.3.16. Xem danh sách tài khoản 33](#_Toc160042709)

[1.3.17. Thêm mới tài khoản 34](#_Toc160042710)

[1.3.18. Chỉnh sửa thông tin tài khoản 36](#_Toc160042711)

[1.3.19. Phân quyền tài khoản 38](#_Toc160042712)

[1.3.20. Xóa tài khoản 39](#_Toc160042713)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 42](#_Toc160042714)

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

**DANH MỤC HÌNH**

[Hình 3 - Sơ đồ Usecase 9](#_Toc160039774)

**DANH MỤC BẢNG**

[Bảng 1- Đặc tả usecase Đăng nhập 11](#_Toc160039775)

[Bảng 2- Đặc tả usecase Đăng ký 13](#_Toc160039776)

[Bảng 3- Đặc tả usecase Đăng xuất 14](#_Toc160039777)

[Bảng 4- Đặc tả usecase Đổi mật khẩu 16](#_Toc160039778)

[Bảng 5- Đặc tả usecase Đặt dịch vụ 17](#_Toc160039779)

[Bảng 6- Đặc tả usecase Đặt phòng 19](#_Toc160039780)

[Bảng 8- Đặc tả usecase Xem lịch sử đặt 21](#_Toc160039781)

[Bảng 9- Đặc tả usecase Xem danh sách phòng 22](#_Toc160039782)

[Bảng 10- Đặc tả usecase Thêm mới phòng 24](#_Toc160039783)

[Bảng 11- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin phòng 25](#_Toc160039784)

[Bảng 12- Đặc tả usecase Xóa phòng 27](#_Toc160039785)

[Bảng 13- Đặc tả usecase Xem danh sách dịch vụ 28](#_Toc160039786)

[Bảng 14- Đặc tả usecase Thêm mới dịch vụ 30](#_Toc160039787)

[Bảng 15- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin dịch vụ 31](#_Toc160039788)

[Bảng 16- Đặc tả usecase Xóa dịch vụ 33](#_Toc160039789)

[Bảng 17- Đặc tả usecase Xem danh sách tài khoản 34](#_Toc160039790)

[Bảng 18- Đặc tả usecase Thêm mới tài khoản 36](#_Toc160039791)

[Bảng 19- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin tài khoản 38](#_Toc160039792)

[Bảng 20- Đặc tả usecase Phân quyền tài khoản 39](#_Toc160039793)

[Bảng 21- Đặc tả usecase Xóa tài khoản 41](#_Toc160039794)

CHƯƠNG 1 – GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

* 1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, không thể phủ nhận rằng sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghệ thông tin và nó đang dần xâm nhập vào mọi khía cạnh của cuộc sống, bao gồm cả lĩnh vực du lịch. Cùng với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ số, việc cung cấp một trải nghiệm đặt phòng thuận tiện, thú vị và hiệu quả cho khách hàng trở nên cực kỳ quan trọng trong việc cạnh tranh giữa các khách sạn. Trong thời đại mà Internet đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống như hiện tại, việc thiết lập một trang web cho khách sạn trên nền tảng trực tuyến đã trở thành một xu hướng phổ biến.

Trong tình hình ấy, nghiên cứu và phát triển các công nghệ xây dựng các trang web khách sạn trực tuyến hiệu quả và dễ dàng sử dụng trở thành mục tiêu quan trọng. Đây là cơ hội cho những người đam mê công nghệ thông tin như chúng tôi để áp dụng các kiến thức và kĩ năng mà mình đã học được vào một ứng dụng thực tế và góp phần vào sự phát triển của công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch.

* 1. Mục đích

Bài báo cáo tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích thị trường nhằm tạo ra hệ thống website khách sạn trực tuyến đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dùng.

Ngoài ra, mục tiêu của bài báo cáo là xây dựng một giao diện người dùng hấp dẫn và thân thiện với người dùng. Chúng tôi mong muốn tạo ra các trải nghiệm thú vị và thuận tiện cho người dùng trong suốt quá trình tìm kiếm và đặt phòng trên website.

Đồng thời, mục tiêu của bài báo cáo là xây dựng một trang web khách sạn trực tuyến chuyên nghiệp với các tính năng quan trọng. Nó cho phép người dùng tìm kiếm dễ dàng dựa trên các tiêu chí mà họ mong muốn. Bên cạnh đó, trang web sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về phòng mà khách hàng có nhu cầu sử dụng như hình ảnh, giá cả, đánh giá của những khách hàng đã từng sử dụng, từ đó giúp người dùng dễ dàng đưa ra những quyết định chính xác.

Cuối cùng, mục tiêu của bài báo cáo là tạo ra một website khách sạn trực tuyến cung cấp cho khách hàng một trải nghiệm tốt nhất có thể trong việc đặt phòng trên nền tảng trực tuyến.

* 1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
     1. Đối tượng

Người dùng cuối: Bài báo cáo tập trung vào việc nghiên cứu và phát triển website khách sạn trực tuyến nhằm cung cấp trải nghiệm đặt phòng tốt nhất cho người dùng cuối. Chúng tôi hiểu rằng họ đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các yêu cầu, mong muốn và bài báo cáo này được nghiên cứu nhằm đáp ứng những yêu cầu ấy.

Nhà quản lý khách sạn: Bài báo cáo cũng nghiên cứu, xem xét các góc nhìn từ phía nhà quản lý để đảm bảo tính hiệu quả và quản lý dễ dàng của trang web. Việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, quản lý dữ liệu khách hàng và các khía cạnh kỹ thuật khác để đảm bảo rằng trang web hoạt động ổn định và mang lại giá trị kinh doanh.

* + 1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của bài báo cáo này bao gồm tất cả các yếu tố và khía cạnh liên quan trực tiếp đến quá trình đặt phòng trên nền tảng trực tuyến. Nó không chỉ bao gồm việc thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng trên trang web, mà còn các yếu tố kỹ thuật liên quan đến việc xử lý thông tin đặt phòng, tích hợp hệ thống thanh toán an toàn, quản lý dữ liệu khách hàng và đảm bảo tính ổn định và hiệu suất làm việc của trang web. Ngoài ra, bài báo cáo này cũng xem xét các khía cạnh khác của việc xây dựng cơ sở dữ liệu của khách sạn bao gồm các thông tin chi tiết về khách sạn.Bên cạnh đó, chúng tôi xem xét các khía cạnh liên quan đến việc tối ưu hóa trải nghiệm người dùng bao gồm việc thiết kế giao diện trực quan, dễ dàng sử dụng và tương thích trên nhiều thiết bị, từ đó giúp cho việc trải nghiệm của người dùng trên trang web trở nên mượt mà và không gặp phải các cản trở kỹ thuật.

* 1. Phương pháp nghiên cứu

Đầu tiên, cần nghiên cứu thị trường, từ đó giúp hiểu rõ hơn về ngành du lịch và xu hướng đặt phòng khách sạn trực tuyến. Chúng tôi thực hiện khảo sát và tham khảo trên các trang web trực tuyến hiện có trên Google. Qua kết quả tham khảo giúp chúng tôi xác định nhu cầu và mong muốn của người dùng, đồng thời, giúp chúng tôi tạo ra các bản thiết kế giao diện người dùng thân thiện và hấp dẫn. Kế đến, chúng tôi tiến hành thực hiện và phát triển trang web bằng cách sử dụng các ngôn ngữ lập trình và các framework hỗ trợ mạnh mẽ. Từ đó giúp chúng tôi dễ dàng xây dựng trang web và đảm bảo nó hoạt động một cách hiệu quả. Tiếp đến, chúng tôi thực hiện kiểm tra một số chức năng và tiến hành sửa chữa nếu nó xảy ra lỗi trong quá trình thực hiện, cuối cùng cần đảm bảo rằng trang web tương tác tốt với người dùng.

* 1. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn
     1. Ý nghĩa khoa học

Bài báo cáo giúp chúng tôi hiểu biết hơn về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch. Thông qua việc nghiên cứu thị trường, chúng tôi đã có cơ hội tìm hiểu cách mà công nghệ tạo ra giá trị trong ngành du lịch.

Đồng thời, bài báo cáo này cũng giúp chia sẻ những kiến thức về cách tiếp cận cũng như các phương pháp, mô hình hỗ trợ tốt trong quá trình phát triển trang web.

* + 1. Ý nghĩa thực tiễn

Trong quá trình thực hiện bài báo cáo, chúng tôi đã không chỉ tiếp cận lý thuyết mà còn phát triển những kỹ năng quan trọng về lập trình và thiết kế website. Sử dụng các ngôn ngữ lập trình đa dạng như HTML, CSS, JavaScript và các framework mạnh mẽ, chúng tôi học được cách linh hoạt kết hợp và tích hợp các công nghệ này để xây dựng một trang web khách sạn trực tuyến hoàn chỉnh và thân thiện với người dùng. Chúng tôi đã thực hành kiến thức này từ việc thiết kế giao diện đến việc tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, giúp chúng tôi phát triển kỹ năng kỹ thuật một cách đáng kể.

Ngoài ra, chúng tôi đã tham gia vào quá trình thực hiện một dự án thực tế, bắt đầu từ việc thu thập yêu cầu và phân tích hệ thống cho đến việc phát triển phần mềm. Qua trải nghiệm này, chúng tôi không chỉ nắm vững về quy trình làm việc trong một dự án mà còn hiểu rõ về các bước cần thiết để xây dựng một ứng dụng hoặc trang web. Chúng tôi đã đối diện và vượt qua các thách thức thực tế, từ việc quản lý thời gian đến việc xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp, điều này đã nâng cao sự chắc chắn và tự tin của chúng tôi trong lĩnh vực này.

Ngoài việc học hỏi và áp dụng kỹ năng lập trình và thiết kế website, việc làm việc đồng đội để hoàn thành bài báo cáo còn giúp chúng tôi rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Chúng tôi học được cách tương tác hiệu quả, lắng nghe ý kiến của đồng đội và giải quyết các xung đột một cách khôn ngoan. Những kỹ năng này không chỉ quan trọng trong dự án này mà còn là nền tảng cho sự nghiệp của chúng tôi trong tương lai, khi chúng tôi phải làm việc trong các môi trường chuyên nghiệp và đa dạng. Sự hợp tác và giao tiếp hiệu quả đã giúp chúng tôi xây dựng một môi trường làm việc tích cực và sáng tạo, tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân và chung của đội nhóm

CHƯƠNG 2 - PHÂN TÍCH THIẾT KẾ

* 1. Đặc tả hệ thống

Hệ thống website khách sạn trực tuyến được xây dựng với một cơ sở hạ tầng vững chắc và nhiều chức năng tương tác, đặc biệt được tối ưu hóa để cung cấp trải nghiệm đặt phòng và dịch vụ khách sạn linh hoạt cho người dùng. Để tận hưởng đầy đủ tiện ích của hệ thống, người dùng được yêu cầu đăng nhập vào tài khoản cá nhân của mình.

Ngay sau khi đăng nhập, người dùng sẽ mở ra một loạt các chức năng chính mà họ có thể tận dụng. Chức năng "Đặt Phòng" giúp họ dễ dàng chọn lựa loại phòng, số lượng ngày ở, và các yếu tố khác liên quan đến việc lựa chọn không gian ở. Cùng với đó, khả năng đặt các dịch vụ như đưa đón, bữa ăn, hoặc các tour du lịch cũng được tích hợp thông qua chức năng "Đặt Dịch Vụ". Những lựa chọn này được hiển thị rõ ràng và chi tiết, giúp người dùng có cái nhìn tổng quan trước khi quyết định.

Một tính năng quan trọng nữa là khả năng thêm các mục đã chọn vào giỏ hàng. Việc này cho phép người dùng kiểm tra và điều chỉnh đơn hàng của mình trước khi tiến hành thanh toán, tạo ra một trải nghiệm mua sắm linh hoạt và thuận tiện.

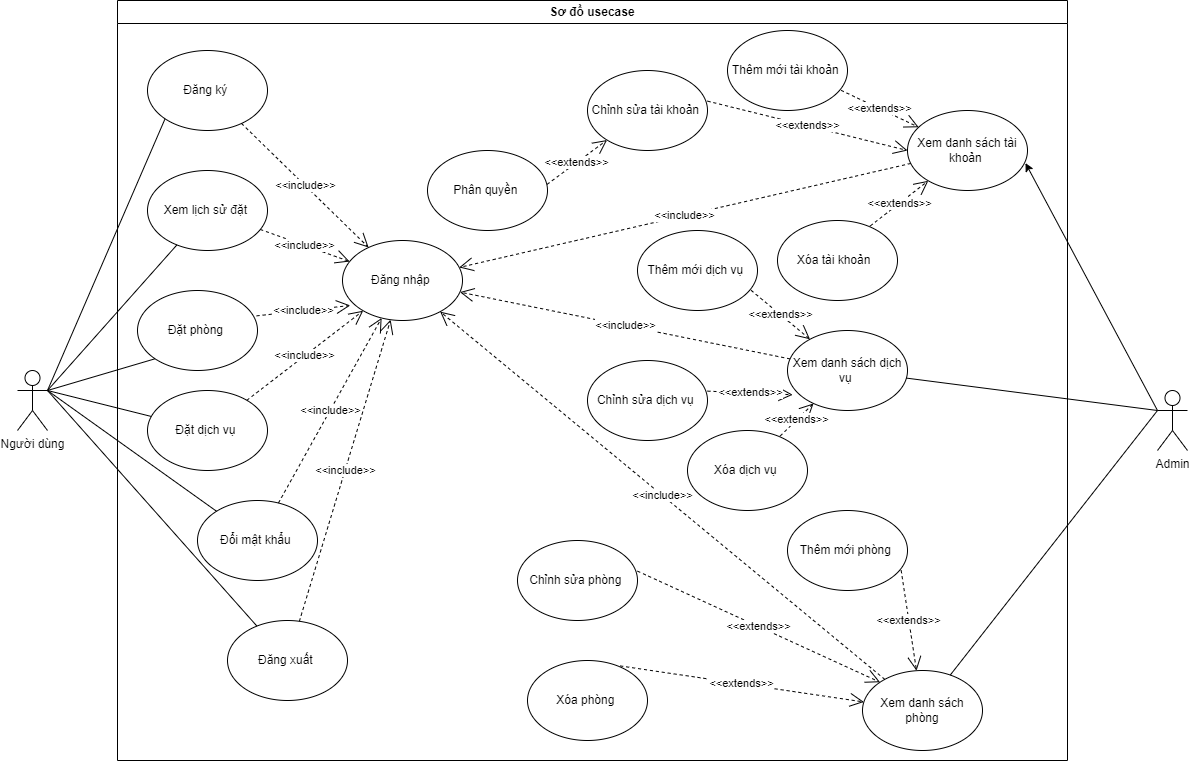
Sau khi hoàn thành quá trình đặt phòng và dịch vụ, người dùng có thể truy cập vào mục "Lịch Sử Đặt" để xem lại chi tiết các giao dịch trước đó. Điều này không chỉ giúp họ theo dõi lịch sử khách sạn của mình mà còn tạo ra sự thuận lợi trong việc quản lý và đối chiếu thông tin.

Chức năng "Đổi Mật Khẩu" cũng là một phần quan trọng của trải nghiệm người dùng. Người dùng, sau khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân, có khả năng thay đổi mật khẩu theo ý muốn, tăng cường bảo mật tài khoản của họ. Bằng cách nhập mật khẩu hiện tại và chọn mật khẩu mới, họ có thể dễ dàng thực hiện quy trình đổi mật khẩu một cách nhanh chóng. Chức năng này không chỉ mang lại sự linh hoạt cho người dùng trong việc duy trì thông tin cá nhân mà còn là một bước quan trọng để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng hệ thống.

Tính năng quản lý của tài khoản Admin cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển hệ thống. Admin có khả năng quản lý dịch vụ và phòng, thêm mới, xoá, và sửa đổi thông tin để đảm bảo rằng danh mục luôn được cập nhật và phản ánh đúng nhu cầu của khách hàng. Quản lý tài khoản người dùng admin cũng giúp duy trì sự an toàn và tính bảo mật của hệ thống.

Tóm lại, hệ thống website khách sạn trực tuyến của chúng tôi không chỉ mang lại trải nghiệm đặt phòng thuận lợi cho người dùng mà còn cung cấp các công cụ mạnh mẽ cho Admin quản lý hiệu quả. Điều này giúp tạo ra một môi trường trực tuyến an toàn, linh hoạt và tiện ích cho cả hai bên sử dụng.

* 1. Use case Diagrams



Hình 3 - Sơ đồ Usecase

* 1. Đặc tả usecase
     1. Đăng nhập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đăng nhập | |
| **Scenario:** | Đăng nhập vào trang web | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút “Đăng nhập” trên trang web | |
| **Description** | Actor đăng nhập vào tài khoản thông qua tài khoản đã được đăng kí từ trước. | |
| **Actor(s)** | Người dùng | |
| **Pre-Condition(s):** | Tài khoản đã được tạo sẵn.  Tài khoản đã được phân quyền.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor đăng nhập trang web thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor đăng nhập vào trang web. 2. Actor nhấn vào nút Đăng nhập. 3. Actor nhập thông tin đăng nhập và nhấn nút Login. | * 1. Hiển thị trang chủ.   2.1 Hiển thị form đăng nhập .  3.1 Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập  3.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang chủ. |
| **Exception** | 3.1.a Thông tin actor không thỏa với dữ liệu trong cơ sở dữ liệu. | |

Bảng 1- Đặc tả usecase Đăng nhập

* + 1. Đăng ký

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đăng ký | |
| **Scenario:** | Đăng ký tài khoản mới cho actor. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào Create your Account | |
| **Description** | Actor đăng kí một tài khoản mới để phục vụ cho quá trình đăng nhập. | |
| **Actor(s)** | Người dùng. | |
| **Pre-Condition(s):** | Tài khoản chưa được tạo trước đó.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor đăng ký thành công.  Hệ thống lưu trữ thông tin actor vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Create your Account trong form Đăng nhập. 2. Actor nhập đầy đủ thông tin và nhân nút Đăng ký 3. Actor nhập mã xác nhận vào và nhấn xác nhận. | 1.1 Hệ thống hiển thị form Đăng ký.   * 1. Hệ thống kiểm tra thông tin actor đã nhập   2. Hệ thống tạo tài khoản mới cho actor và điều hướng actor đến trang chủ. |
| **Exception** | 3.1.a Thông tin tài khoản actor nhập đã có trong cơ sở dữ liệu | |

Bảng 2- Đặc tả usecase Đăng ký

* + 1. Đăng xuất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đăng xuất | |
| **Scenario:** | Đăng xuất khỏi tài khoản của actor. | |
| **Triggering Event** | .Khi người dùng nhấn vào nút Đăng xuất | |
| **Description** | Actor đăng xuất khỏi tài khoản của mình. | |
| **Actor(s)** | Người dùng, Admin | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor đăng xuất thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Đăng xuất. | 1.1 Hệ thống đăng xuất actor khỏi tài khoản. |
| **Exception** | Không có. | |

Bảng 3- Đặc tả usecase Đăng xuất

* + 1. Đổi mật khẩu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đổi mật khẩu | |
| **Scenario:** | Đổi thông tin mật khẩu cho Actor. | |
| **Triggering Event** | Khi actor nhấn vào nút Đổi mật khẩu trong phần thông tin tài khoản. | |
| **Description** | Actor thay đổi thông tin mật khẩu cho tài khoản của mình. | |
| **Actor(s)** | Người dùng. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thay đổi mật khẩu thành công.  Thông tin mật khẩu mới được lưu trữ vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Đổi mật khẩu 2. Actor nhập thông tin mật khẩu và nhấn Đổi mật khẩu 3. Actor nhập mã xác nhận và nhấn Xác nhận. | * 1. Hệ thống hiển thị form Đổi mật khẩu cho actor.   2.2 Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu thông tin mật khẩu mới xuống cơ sở dữ liệu. |
| **Exception** | 2.2.a Thông tin actor nhập không chính xác. | |

Bảng 4- Đặc tả usecase Đổi mật khẩu

* + 1. Đặt dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đặt dịch vụ | |
| **Scenario:** | Actor thêm dịch vụ vào giỏ hàng | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào dịch vụ của khách sạn. | |
| **Description** | Actor thêm thông tin dịch vụ vào giỏ hàng. | |
| **Actor(s)** | Người dùng. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thêm thông tin dịch vụ vào giỏ hàng thành công.  Hệ thống lưu trữ giỏ hàng vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor chọn vào dịch vụ họ muốn đặt 2. Actor nhập vào số lượng dịch vụ 3. Actor nhấn vào nút Booking now | * 1. Hệ thống hiển thị chi tiết dịch vụ.   2. Hệ thống lấy thông tin actor đã nhập.   3. Hệ thống lưu trữ thông tin vào cơ sở dữ liệu |
| **Exception** | Không có. | |

Bảng 5- Đặc tả usecase Đặt dịch vụ

* + 1. Đặt phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Đặt phòng | |
| **Scenario:** | Actor thêm thông tin phòng vào giỏ hàng | |
| **Triggering Event** | Khi actor nhấn vào phòng của khách sạn. | |
| **Description** | Actor thêm thông tin phòng mà họ muốn đặt vào giỏ hàng. | |
| **Actor(s)** | Người dùng. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thêm thông tin phòng vào giỏ hàng thành công.  Hệ thống lưu trữ thông tin giỏ hàng vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1.Actor tìm phòng dựa trên các tiêu chi mà trang web đưa ra.  2.Actor chọn phòng mà họ muốn đặt  3.Actor nhấn nút Booking now. | 1.1 Hệ thống hiển thị các phòng thỏa điều kiện  2.1 Hệ thống điều hướng actor đến trang chi tiết của phòng đó.  3.1 Hệ thống lưu trữ thông tin phòng vào giỏ hàng. |
| **Exception** | Không có. | |

Bảng 6- Đặc tả usecase Đặt phòng

* + 1. Xem lịch sử đặt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xem lịch sử đặt | |
| **Scenario:** | Actor xem lịch sử đặt dịch vụ và phòng của mình. | |
| **Triggering Event** | Khi actor nhấn vào nút Xem lịch sử đặt | |
| **Description** | Actor xem lại lịch sử đặt dịch vụ và phòng của mình. | |
| **Actor(s)** | Người dùng | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xem lịch sử đặt dịch vụ và phòng thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Xem lịch sử đặt | 1.1 Hệ thống hiển thị lên danh sách các dịch vụ và phòng mà actor đã đặt |
| **Exception** | 1.1.a Không có thông tin dịch vụ và phòng đã đặt. | |

Bảng 8- Đặc tả usecase Xem lịch sử đặt

* + 1. Xem danh sách phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xem danh sách phòng | |
| **Scenario:** | Xem danh sách các phòng của khách sạn | |
| **Triggering Event** | .Khi actor bấm vào nút Quản lý phòng | |
| **Description** | Actor xem danh sách các phòng của khách sạn | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xem danh sách phòng thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng nhấn vào nút Quản lý phòng | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách phòng của khách sạn. |
| **Exception** | 1.1.a Không có thông tin phòng nào trong cơ sở dữ liệu. | |

Bảng 9- Đặc tả usecase Xem danh sách phòng

* + 1. Thêm mới phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Thêm mới phòng | |
| **Scenario:** | Thêm mới phòng vào cơ sở dữ liệu của khách sạn. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Thêm phòng mới. | |
| **Description** | Actor thêm mới thông tin phòng. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thêm mới phòng thành công.  Dữ liệu phòng mới được lưu vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Thêm phòng mới  2.Actor nhập thông tin phòng mới và nhấn Thêm phòng. | 1.1 Hệ thống hiển thị form thêm thông tin phòng  2.1 Hệ thống thêm thông tin phòng mới vào cơ sở dữ liệu.  2.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý phòng và tải lại danh sách phòng |
| **Exception** | 2.1.a Actor nhập thiếu thông tin phòng. | |

Bảng 10- Đặc tả usecase Thêm mới phòng

* + 1. Chỉnh sửa thông tin phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Chỉnh sửa thông tin phòng | |
| **Scenario:** | Chỉnh sửa thông tin phòng trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với phòng. | |
| **Description** | Actor chỉnh sửa thông tin phòng trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thay đổi dữ liệu phòng thành công.  Dữ liệu phòng được thay đổi trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1.Actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với từng phòng  2.Actor thay đổi thông tin mình muốn chỉnh sửa  3.Actor nhấn Xác nhận. | 1.1 Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa thông tin phòng  3.1 Hệ thống tiến hành lưu thông tin phòng vào cơ sở dữ liệu.  3.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý phòng và tải lại danh sách phòng |
| **Exception** | 3.1.a Actor nhập thiếu thông tin phòng. | |

Bảng 11- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin phòng

* + 1. Xóa phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xóa phòng | |
| **Scenario:** | Xóa thông tin phòng trong cơ sở dữ liệu | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút xóa tương ứng với từng phòng. | |
| **Description** | Actor xóa thông tin phòng trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xóa dữ liệu phòng thành công.  Dữ liệu phòng được xóa trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng nhấn vào nút Xóa. | 1.1 Hệ thống tiến hành xóa thông tin phòng.  1.2 Hệ thống tải lại danh sách phòng. |
| **Exception** | 1.1.a Thông tin phòng đang được sử dụng ở hóa đơn nên không xóa được. | |

Bảng 12- Đặc tả usecase Xóa phòng

* + 1. Xem danh sách dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xem danh sách dịch vụ | |
| **Scenario:** | Xem danh sách các dịch vụ của khách sạn | |
| **Triggering Event** | .Khi actor bấm vào nút Quản lý dịch vụ | |
| **Description** | Actor xem danh sách các dịch vụ của khách sạn | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xem danh sách dịch vụ thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| .1. Người dùng nhấn vào nút Quản lý dịch vụ | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách dịch vụ của khách sạn. |
| **Exception** | 1.1.a Không có thông tin dịch vụ nào trong cơ sở dữ liệu. | |

Bảng 13- Đặc tả usecase Xem danh sách dịch vụ

* + 1. Thêm mới dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Thêm mới dịch vụ | |
| **Scenario:** | Thêm mới dịch vụ vào cơ sở dữ liệu của khách sạn. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Thêm dịch vụ mới. | |
| **Description** | Actor thêm mới thông tin dịch vụ. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thêm mới dịch vụ thành công.  Dữ liệu dịch vụ mới được lưu vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Thêm dịch vụ mới  2.Actor nhập thông tin dịch vụ mới và nhấn Thêm dịch vụ. | 1.1 Hệ thống hiển thị form thêm thông tin dịch vụ  2.1 Hệ thống thêm thông tin dịch vụ mới vào cơ sở dữ liệu.  2.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý dịch vụ và tải lại danh sách dịch vụ |
| **Exception** | 2.1.a Actor nhập thiếu thông tin dịch vụ. | |

Bảng 14- Đặc tả usecase Thêm mới dịch vụ

* + 1. Chỉnh sửa thông tin dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Chỉnh sửa thông tin dịch vụ | |
| **Scenario:** | Chỉnh sửa thông tin dịch vụ trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với dịch vụ. | |
| **Description** | Actor chỉnh sửa thông tin dịch vụ trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thay đổi dữ liệu dịch vụ thành công.  Dữ liệu dịch vụ được thay đổi trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1.Actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với từng dịch vụ  2.Actor thay đổi thông tin mình muốn chỉnh sửa  3.Actor nhấn Xác nhận. | 1.1 Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa thông tin dịch vụ  3.1 Hệ thống tiến hành lưu thông tin dịch vụ vào cơ sở dữ liệu.  3.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý dịch vụ và tải lại danh sách dịch vụ |
| **Exception** | 3.1.a Actor nhập thiếu thông tin dịch vụ. | |

Bảng 15- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin dịch vụ

* + 1. Xóa dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xóa dịch vụ | |
| **Scenario:** | Xóa thông tin dịch vụ trong cơ sở dữ liệu | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút xóa tương ứng với từng dịch vụ. | |
| **Description** | Actor xóa thông tin dịch vụ trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xóa dữ liệu dịch vụ thành công.  Dữ liệu dịch vụ được xóa trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng nhấn vào nút Xóa. | 1.1 Hệ thống tiến hành xóa thông tin dịch vụ.  1.2 Hệ thống tải lại danh sách dịch vụ. |
| **Exception** | 1.1.a Thông tin dịch vụ đang được sử dụng ở hóa đơn nên không xóa được. | |

Bảng 16- Đặc tả usecase Xóa dịch vụ

* + 1. Xem danh sách tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xem danh sách dịch vụ | |
| **Scenario:** | Xem danh sách các dịch vụ của khách sạn | |
| **Triggering Event** | .Khi actor bấm vào nút Quản lý tài khoản | |
| **Description** | Actor xem danh sách các tài khoản của khách sạn | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor đã được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xem danh sách tài khoản thành công. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| .1. Người dùng nhấn vào nút Quản lý tài khoản | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách tài khoản của khách sạn. |
| **Exception** | Không có.. | |

Bảng 17- Đặc tả usecase Xem danh sách tài khoản

* + 1. Thêm mới tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Thêm mới tài khoản | |
| **Scenario:** | Thêm mới tài khoản vào cơ sở dữ liệu của khách sạn. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Thêm phòng tài khoản. | |
| **Description** | Actor thêm mới thông tin tài khoản. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với internet. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thêm mới tài khoản thành công.  Dữ liệu tài khoản mới được lưu vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Actor nhấn vào nút Thêm tài khoản mới  2.Actor nhập thông tin tài khoản mới và nhấn Thêm tài khoản. | 1.1 Hệ thống hiển thị form thêm thông tin tài khoản  2.1 Hệ thống thêm thông tin tài khoản mới vào cơ sở dữ liệu.  2.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý tài khoản và tải lại danh sách tài khoản |
| **Exception** | 2.1.a Actor nhập thiếu thông tin tài khoản. | |

Bảng 18- Đặc tả usecase Thêm mới tài khoản

* + 1. Chỉnh sửa thông tin tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Chỉnh sửa thông tin tài khoản | |
| **Scenario:** | Chỉnh sửa thông tin tài khoản trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với tài khoản. | |
| **Description** | Actor chỉnh sửa thông tin phòng trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thay đổi dữ liệu tài khoản thành công.  Dữ liệu tài khoản được thay đổi trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1.Actor nhấn vào nút Sửa tương ứng với từng tài khoản  2.Actor thay đổi thông tin mình muốn chỉnh sửa  3.Actor nhấn Xác nhận. | 1.1 Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa thông tin tài khoản  3.1 Hệ thống tiến hành lưu thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu.  3.2 Hệ thống điều hướng actor đến trang Quản lý tài khoản và tải lại danh sách tài khoản |
| **Exception** | 3.1.a Actor nhập thiếu thông tin tài khoản. | |

Bảng 19- Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin tài khoản

* + 1. Phân quyền tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Phân quyền tài khoản | |
| **Scenario:** | Phân quyền lại quyền hạn của tài khoản. | |
| **Triggering Event** | Khi actor thực hiện chỉnh sửa thông tin tài khoản. | |
| **Description** | Actor thay đổi quyền hạn của tài khoản. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor thay đổi quyền hạn của tài khoản thành công.  Thông tin quyền hạn mới của tài khoản được lưu bào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1.Actor nhấn vào Sửa tài khoản  2.Actor thay đổi quyền hạn của tài khoản và nhấn Xác nhận. | 1.1 Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa tài khoản của người dùng  2.1 Hệ thống tiến hành lưu trữ thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu. |
| **Exception** | 2.1.a Actor nhập thiếu thông tin tài khoản. | |

Bảng 20- Đặc tả usecase Phân quyền tài khoản

* + 1. Xóa tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case** | Xóa tài khoản | |
| **Scenario:** | Xóa thông tin tài khoản trong cơ sở dữ liệu | |
| **Triggering Event** | .Khi actor nhấn vào nút xóa tương ứng với từng tài khoản. | |
| **Description** | Actor xóa thông tin tài khoản trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Actor(s)** | Admin. | |
| **Pre-Condition(s):** | Actor đã đăng nhập vào tài khoản.  Thiết bị của actor được kết nối với cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition(s):** | Actor xóa dữ liệu tài khoản thành công.  Dữ liệu tài khoản được xóa trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of Event** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng nhấn vào nút Xóa. | 1.1 Hệ thống tiến hành xóa thông tin tài khoản.  1.2 Hệ thống tải lại danh sách tài khoản. |
| **Exception** | 1.1.a Tài khoản đang được đăng nhập nên không thể xóa. | |

Bảng 21- Đặc tả usecase Xóa tài khoản

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

Youtube :

<https://www.youtube.com/@ni.official>

<https://www.youtube.com/@ittalents2601>

<https://www.youtube.com/@NgoXuanHoang90/playlists>

Google:

<https://tedu.com.vn/>

<https://daoduyvu.wordpress.com/2012/09/06/tim-hieu-ve-area-trong-mvc/>

<https://themewagon.com/theme-tag/hotel-template/>

<https://learn.microsoft.com/en-us/dotnet/api/system.io.path.combine?view=net-6.0>

<https://tedu.com.vn/lap-trinh-aspnet-core/co-che-model-binding-truyen-du-lieu-tu-view-len-controller-252.html>

<https://stackoverflow.com/questions/59304961/how-can-i-get-access-to-the-iwebhostenvironment-from-within-an-asp-net-core-3-co>